

Bản án số: **66/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 09 - 7- 2019

Về việc tranh chấp: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Châu.

Bà Võ Thị Mai.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Đinh Quốc Hiếu – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2019/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ Văn U, sinh năm 1979 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 02/5/2019, bản tự khai ngày 06/6/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Võ Văn U trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N cưới nhau vào năm 1996 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D vào năm 2005. Thời gian đầu sống có hạnh phúc nhưng đến tháng 02 năm 2019 thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân do vợ chồng không đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, vợ anh thường từ chuyện nhỏ làm ra chuyện lớn, nói xấu chồng với mọi người, cãi vã lớn tiếng anh có khuyên chị nhiều lần nhưng chị vẫn không sửa đổi, chị thường ghen tuông và chửi bới vô cớ, đến nay là anh không thể chịu đựng được nữa nên anh yêu cầu ly hôn; vợ chồng mặc dù sống chung một nhà nhưng không còn liên quan gì nhau, mạnh ai nấy sống, ly thân với nhau từ tháng 5 năm 2019 đến nay. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị N, cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc nên không thể hàn gắn lại được mà kiên quyết yêu cầu được ly hôn với chị N.

- *Về nuôi con chung*: Có 03 con chung, hiện đã thành niên và có khả năng lao động, nên anh không có yêu cầu giải quyết, gồm:

1. Võ Thị Thắm C, sinh ngày 27/12/1996;
2. Võ Thị Thắm E, sinh ngày 22/12/1997;
3. Võ Vũ L, sinh ngày 21/4/2001.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có.

- **Tại phiên Tòa**: Anh U vẫn giữ yêu cầu khởi kiện không thay đổi gì.

* *Tại bản tự khai ngày 06/6/2019, biên bản hòa giải ngày 06/6/2019, ngày 01/7/2019 và trong quá trình xét xử, bị đơn chị Nguyễn Thị Tuyết N trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị N thống nhất với lời trình bày của anh U về hôn nhân, quá trình chung sống, đăng ký kết hôn. Nhưng về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị xác định là vợ chồng đúng là thường cự cãi do anh U nhiều lần có nhắn tin và gọi điện thoại với người phụ nữ khác, bỏ nhà đi qua đêm nên vợ chồng mới cự cãi. Vợ chồng ly thân từ tháng 5/2019 đến nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, ăn riêng, ngủ riêng, không ai quan tâm đến ai nữa, hoàn toàn không nói chuyện với nhau mặc dù sống chung một nhà.

Tuy nhiên, nay qua yêu cầu ly hôn của anh U thì chị không đồng ý ly hôn mặc dù cuộc sống vợ chồng hiện không còn hạnh phúc, nhưng vì còn thương chồng, thương con nên chị không đồng ý ly hôn.

- *Về nuôi con chung*: Có 03 con chung, hiện đã thành niên và có khả năng lao động gồm:

1. Võ Thị Thắm C, sinh ngày 27/12/1996;
2. Võ Thị Thắm E, sinh ngày 22/12/1997;
3. Võ Vũ L, sinh ngày 21/4/2001.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- **Tại phiên Tòa:** Chị N vẫn không đồng ý ly hôn với anh U.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Võ Văn U và chị Nguyễn Thị Tuyết N cưới nhau vào năm 1996 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Bình Đại vào năm 2005 theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa anh U và chị N được công nhận hợp pháp.

Nay anh U yêu cầu ly hôn, chị N không đồng ý vì chị xác định vẫn còn thương chồng con. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của anh U và chị N đều xác định được cuộc sống vợ chồng của anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, chị N thường ghen tuông và chửi bới anh U dù anh nhiều lần khuyên năn nhưng chị vẫn không sửa đổi, hiện tại mỗi người đều có cuộc sống riêng, ăn riêng, ngủ riêng, không nói chuyện với nhau, không ai quan tâm đến ai nữa mặc dù vẫn sống chung một nhà và ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho **hai bên** tìm cách hàn gắn lại tình cảm, nhưng cho đến nay vợ chồng anh U và chị N vẫn không hàn gắn lại được **và cả 02 bên đều xác** định cuộc sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc.

Qua đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định được cuộc sống chung giữa 02 vợ chồng anh U và chị N đã có mâu thuẫn, mỗi người đều có cuộc sống riêng tư, không ai quan tâm đến ai, giữa anh U và chị N đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân của anh U và chị N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; mặc dù chị N cho rằng còn thương chồng con nên không đồng ý ly hôn nhưng cuộc sống vợ chồng đã không hạnh phúc. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh U là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh U đối với chị N.

[2]. *Về nuôi con chung:* Trong quá trình sống chung giữa anh U và chị N có 03 con chung đã thành niên và có khả năng lao động gồm:

1. Võ Thị Thắm C, sinh ngày 27/12/1996;
2. Võ Thị Thắm E, sinh ngày 22/12/1997;
3. Võ Vũ L, sinh ngày 21/4/2001.

Khi ly hôn anh và chị không có yêu cầu gì về nuôi con chung, nên Hội đồng

xét xử không xét đến.

[3]. *Về tài sản chung*: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4]. *Về nợ chung*: Hai bên khai thống nhất không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*:

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Võ Văn U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Võ Văn U đối với chị Nguyễn Thị Tuyết N.

Cho ly hôn giữa anh Võ Văn U đối với chị Nguyễn Thị Tuyết N.

Quan hệ hôn nhân giữa **anh Võ Văn U đối với chị Nguyễn Thị Tuyết N** chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Có 03 con chung gồm:

1. Võ Thị Thắm C, sinh ngày 27/12/1996;

2. Võ Thị Thắm E, sinh ngày 22/12/1997

3. Võ Vũ L, sinh ngày 21/4/2001.

Hiện đã thành niên và đều có khả năng lao động, nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có, nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Anh Võ Văn U phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh U đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn

đồng) theo biên lai thu tiền số 0003358 ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Như vậy, anh Võ Văn U đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV - THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã D (Số 18, Quyển 01/2005);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên